

Bản án số: 42 /2021/HS-ST

Ngày 22 - 7 -2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1 Ông: Nguyễn Thành Trung
2 Bà Dương Thị Thu Hằng
- *Thư ký phiên toà:* Bà Lô Thị Lệ Hoài - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:* Bà Ma Thị Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ D số 32/2021/TLST-HS ngày 13/5/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35 /2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Triệu Văn H, tên gọi khác: Không, sinh ngày 03/3/1971. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm ĐB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 1/10; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Tiến Thành, đã chết, con bà: Đặng Thị Phẫu, sinh năm 1940. Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ năm; có vợ Phan Thị Mới, sinh năm 1972, có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2005;

Tiền án: 01: Tại bản án số 52/2018/HSST ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 7 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 BLHS. (Chấp hành xong án phạt tù ngày 25/01/2019);

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 43/2015/HSST ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 6 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 BLHS và Ngày 10/7/2009, bị Công an xã HT, huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000đ về hành vi “Đánh bạc”;

Bị cáo bị tạm giữ, từ ngày **28/7/2020 đến ngày 06/8/2020**, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. H bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa.)

2. Họ và tên: Triệu Thị T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 01/3/1960. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm ĐB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 1/7; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Đức Minh (Đã chết), con bà: Dương Thị Chính (Đã chết). Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; có cF là Triệu Quang Lâm, sinh năm 1958, Có 02 con: con lớn sinh năm 1977, con nhỏ sinh năm 1981;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, ngày 28/9/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. H bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa.)

3. Họ và tên: Dương Quý A, tên gọi khác: Không, sinh ngày 11/01/1978. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm ĐB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Phúc Hình, sinh năm 1941, con bà: Triệu Thị Lưu (đã chết). Gia đình có 11 anh em, bị cáo là con thứ 8; Có vợ Liễu Thị Bé, sinh năm 1982, Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, từ ngày **28/7/2020 đến ngày 06/8/2020**, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. H bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa.)

4. Họ và tên: Triệu Phúc B, tên gọi khác: Không, sinh ngày 10/03/1993. Nơi sinh: VN, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm N, xã LM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Văn Minh, sinh năm 1970, con bà: Bàn Thị Đào, sinh năm 1971. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: 02;

- Tại Bản án số 13/2018/HSST ngày 07.3.2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội: “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999. Phạt bổ sung số tiền 5.000.000đ, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST (Đã nộp phạt xong ngày 08.8.2018)

- Tại bản án số 52/2018/HSST ngày 25/7/2018 của bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 15 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 BLHS (đã tổng hợp hình phạt của Bản án số 13/2018/HSST ngày 07.3.2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình). Phạt bổ sung số tiền 5.000.000đ. (đã thi hành khoản tiền phạt 5.000.000 đồng ngày 22/11/2018 và chấp hành xong án phạt tù ngày 03/5/2019);

Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, ngày 30/12/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. H bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa.)

5. Họ và tên: D Tài C(tên gọi khác: không), sinh ngày 01/01/1969.

Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm MS, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Trung Thắng, con bà: D Thị Lai, (đều đã chết). Gia đình có 07 anh chị em, Có vợ: Bàn Thị Hà, sinh năm 1970, Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1994;

Tiền án: 1

Tại bản án số 08/2017/HSST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện VN xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999. Phạt bổ sung số tiền 3.000.000đ, án phí HSST 200.000đ;(Đã thi hành 210.000 đồng, còn phải thi hành 2.990.000 đồng)

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, từ ngày **23/7/2020 đến ngày 29/7/2020** được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. H bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa.)

6. Họ và tên: Triệu Văn D, tên gọi khác: Không, sinh ngày 12/10/1973.

Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm ĐB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Tiến Phúc (Đã chết), con bà: Bàn Thị Múi (Đã chết). Gia đình có 09 anh em, bị cáo là con thứ hai, có vợ Dương Thị Minh, sinh năm 1976, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2001;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 08/2017/HSST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện VN xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999. Phạt bổ sung số tiền 3.000.000đ, án phí HSST 200.000đ. (Đã nộp phạt xong ngày 16/5/2018);

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, ngày 29/9/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. H bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa.)

7. Họ và tên: Triệu Thị E, tên gọi khác: Không, sinh ngày 25/6/1981. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm ĐB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Tiến Phúc (Đã chết), con bà: Bàn Thị Múi (Đã chết). Gia đình có 09 anh em, bị cáo là con thứ sáu, có cF Dương Quý Hoa, sinh năm 1976, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2001;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 108/2011/HSST ngày 09/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 BLHS. Phạt bổ sung số tiền 3.000.000đ, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST. (Đã nộp phạt xong 24/02/2012);

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, ngày 29/9/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. H bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa.)

8. Họ và tên: Triệu Văn F, tên gọi khác: Không, sinh ngày 16/5/1986. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm ĐB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Tiến Phúc (Đã chết), con bà: Bàn Thị Múi (Đã chết). Gia đình có 09 anh em, bị cáo là con thứ tám; có vợ Triệu Thị Tranh, sinh năm 1989, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, từ ngày **23/7/2020 đến ngày 01/8/2020**, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. H bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa.)

9. Họ và tên: Triệu Thị G, tên gọi khác: Không, sinh ngày 13/4/1983. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm ĐB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ Văn hóa: 02/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Như Học, sinh năm 1963, con bà: Phan Thị Dung, sinh năm 1959. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai, có cF Triệu Văn Quang, sinh năm 1981 (Đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, ngày 29/9/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. H bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa.)

10. Họ và tên: Phan Thị K, tên gọi khác: Không, sinh ngày 18/8/1980. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm ĐT, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Sinh H, sinh năm 1954, con bà: Đặng Thị Sáu, sinh năm 1956. Gia đình có 7 anh em, bị cáo là con thứ 5, có cF Triệu Văn Huy, sinh năm 1980, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2002;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, ngày 29/9/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. H bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa.)

11. Họ và tên: Triệu Thị Y, tên gọi khác: Không, sinh ngày 23/12/2000. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm ĐT, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Phúc H, sinh năm 1979, con bà: Bàn Thị Thắm, sinh năm 1984. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất, chưa có cF, có 01 con sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, từ ngày **23/7/2020 đến ngày 29/7/2020**, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. H bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa.)

12. Họ và tên: Đặng Thị Z (tên gọi khác Đặng Thị Y), sinh ngày 15/5/1964. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm ĐB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Đức Tiến (Đã chết), con bà: Bàn Thị Năm (Đã chết). Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba, có cF Dương Phúc Thuận, sinh năm 1960, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 1996;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, từ ngày **23/7/2020 đến ngày 29/7/2020**, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. H bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa.)

13. Họ và tên: Trần Thị P, tên gọi khác: Không, sinh ngày 02/10/1974. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm ĐB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc:

kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Lâm (Đã chết), con bà: Đặng Thị Tình (Đã chết). Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ năm, có cF Dương Quý An, sinh năm 1970, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 1998;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, từ ngày 23/7/2020 đến ngày 01/8/2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. H bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa.)

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

- Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị T:

Ông Lưu Bình W(Vắng mặt); Ông Nguyễn Công K - Luật sư, Văn phòng Luật sư Dương Tuấn K và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa.)

- Người làm chứng:

+ Anh Triệu Văn J, sinh ngày 01/9/1980;(Vắng mặt)

+ Anh Bàn Như R, sinh ngày 25/8/1980;(Vắng mặt)

Đều trú tại: Xóm ĐT, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Triệu Văn O, sinh ngày 30/12/1992;(Vắng mặt)

Trú tại: Xóm N, xã LM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

- Người chứng kiến:

Anh Triệu Văn Q, sinh năm 1991;(Vắng mặt)

Trú tại: Xóm DB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 23/07/2020, tại khu vực đồi cây của Triệu Thị T ở xóm DB, xã HT, huyện Đ, tổ công tác Công an huyện Đ phối hợp cùng Công an xã HT phát H Triệu Văn H, Triệu Phúc B, Triệu Sinh Mạnh, Triệu Văn D, Triệu Văn F, Dương Quý A, D Tài C, Triệu Thị Y, Triệu Thị E, Triệu Thị G, Trần Thị P,

Đặng Thị Z (tên gọi khác Đặng Thị Y), Phan Thị K đang có hành vi đánh bạc bằng hình T xóc đĩa được thua bằng tiền. Khi tổ công tác vào bắt quả tang thì Triệu Văn H, Dương Quý A, Triệu Sinh Mạnh, Triệu Thị E, Triệu Văn D, Phan Thị K, Triệu Thị G và Triệu Phúc B bỏ chạy, còn lại D Tài C, Triệu Thị Y, Trần Thị P, Triệu Văn F và Đặng Thị Z(Đặng Thị Y) bị Công an bắt quả tang và thu giữ các vật chứng, gồm: **9.326.000đ (chín triệu ba trăm hai sáu ngàn đồng)** tại chiếu bạc; 01 chiếu cói; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 01 mảnh bạc có hai mặt, một mặt xanh, một mặt cam; 04 quân bài tú lơ khơ; 05 ghế nhựa màu đỏ, 01 ghế gỗ, 04 đôi dép (01 đôi giả da màu đen, 01 đôi dép nhựa màu trắng, trên mặt có chữ PAILI, 01

đôi dép nhựa màu F, 01 đôi tông màu xanh quai trắng có chữ Adidas. Ngoài ra thu giữ tại túi quần phía trước bên trái của Triệu Văn F số tiền **3.031.000đ (ba triệu không trăm ba một ngàn đồng)**. Sau đó, từ ngày 28/7 đến ngày 01/12/2020, các đối Zọng bỏ chạy đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đầu thú về hành vi phạm tội của mình, gồm: Triệu Văn H, Dương Quý A, Triệu Thị T, Triệu Thị E, Triệu Văn D, Phan Thị K, Triệu Thị G và Triệu Phúc B.

Quá trình điều tra đã làm rõ:

Hình T đánh bạc bằng xóc đĩa được thua bằng tiền quy ước như sau: Khi bắt đầu chơi, người xóc cái cho 04(bốn) quân vị vào đĩa và úp bát lên, sau đó người cầm cái sẽ xóc và đặt xuống chiếu bạc để các con bạc đặt cửa. Quy định bên trái của người cầm cái là cửa lẻ, bên phải người cầm cái là cửa chẵn. Kết quả chẵn, lẻ được tính như sau: Khi mở bát nếu có 02 hoặc 04 quân vị cùng màu thì cửa chẵn sẽ thắng bạc. Nếu có 01 hoặc 03 quân vị cùng màu thì cửa lẻ sẽ thắng bạc. Người chơi sẽ đặt tiền cược vào bên chẵn hoặc lẻ nếu thắng bạc được hưởng số tiền bằng số tiền đặt cược. Nếu thua bạc thì bị mất số tiền đã đặt cược. Người cầm cái, lấy tiền của những người thua bạc trả cho những người thắng bạc. Nếu tổng số tiền đặt cược của người thua bạc nhỏ hơn số tiền đặt cược của người thắng bạc thì người cầm cái phải lấy tiền của mình ra bù vào trả cho người thắng bạc, ngược lại số tiền đặt cược của người thua bạc lớn hơn số tiền đặt cược của người thắng bạc thì sau khi trả tiền cho người thắng bạc xong người cầm cái được hưởng số tiền chênh lệch còn lại.

Khoảng 15 giờ ngày 27/3/2020, Triệu Văn H, Bàn Như Nguyên (sinh năm 1980, trú tại xóm ĐT, xã HT, huyện Đ), Triệu Thị Y, Dương Quý A, Triệu Văn D và Triệu Văn Hùng (sinh năm 1992, trú tại xóm N, xã LM, huyện VN) ngồi uống nước với nhau tại sân nhà Triệu Thị T. Tại đây, các bị can cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình T đánh xóc đĩa được thua bằng tiền. H nói với T “cho chúng nó làm tý xem có thành không?” ý nói là xin T cho các đối Zọng đánh bạc, T đồng ý và nói “nếu chơi thì thu của mỗi người vài đồng”. Sau đó, D đi cắt quân vị, H ra cạnh chuồng gà nhà T lấy 01 bát và 04 quân bài đi lên khu vực đồi cây

của nhà T (cách nhà T khoảng 100 mét) rồi trải ra để mọi người tham gia đánh bạc. Mọi người cùng nhau đánh bạc bằng hình T đánh xóc đĩa, A là người xóc cái. Quá trình đánh bạc có Trần Thị P, Đặng Thị Z, D Tài C, Triệu Phúc B, Triệu Văn Hình (sinh năm 1980, trú tại xóm ĐT, xã HT, huyện Đ) đến và cùng tham gia đánh bạc. Khi đánh được khoảng 15 phút thì H thu tiền hồ lý (phí để được đánh bạc) của các đối Zọng tham gia đánh bạc được 700.000đ (H không nhớ chính xác đã thu được của ai) rồi đưa cho T, T cầm tiền và đưa lại cho H số tiền 500.000đ, còn lại 200.000đ, T cất vào túi quần và nói “tao đi trông đường cho chúng mày” rồi đi xuống. Các bị can tiếp tục đánh bạc được khoảng 20 phút

thì có tiếng hô của người dân do trêu hức nhau nên các bị can Zờng Công an đến đã bỏ chạy.

Khoảng 40 phút sau, các bị can lại quay lại tiếp tục cùng nhau đánh bạc tại khu vực bãi đất trống trên đồi cây của nhà T, cách nhà T khoảng 30 mét. Lúc này, T gọi điện thoại cho H thì H có nói với T “chúng nó lại đánh tiếp”, T hiểu là mọi người lại tiếp tục đánh bạc tại đất nhà mình. Tại đây, các bị can tham gia đánh bạc gồm: Triệu Văn H, Triệu Phúc B, Triệu Sinh Mạnh, Triệu Văn D, Triệu Văn F, Dương Quý A, D Tài C, Triệu Thị Y, Triệu Thị E, Triệu Thị G, Trần Thị P, Đặng Thị Z, Phan Thị K, A lại tiếp tục xóc cái để cho mọi người tham gia đặt cửa. H tiếp tục thu tiền hồ lý của những người tham gia đánh bạc được 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Các bị can khai tham gia đánh bạc cụ thể như sau:

Triệu Văn H đem theo 4.000.000đ, chỉ sử dụng 1.000.000đ để tham gia đánh bạc; Dương Quý A sử dụng có 1.200.000đ để đánh bạc; Triệu Thị E sử dụng 250.000đ để đánh bạc; Đặng Thị Z sử dụng 400.000đ để đánh bạc; Phan Thị K sử dụng 400.000đ để đánh bạc; Trần Thị P sử dụng 850.000đ để đánh bạc; Triệu Thị Y sử dụng 2.500.000đ để đánh bạc; D Tài C sử dụng 500.000đ để đánh bạc; Triệu Thị G sử dụng 200.000đ để đánh bạc; Triệu Văn D sử dụng 150.000đ để đánh bạc; Triệu Phúc B sử dụng 300.000đ để đánh bạc; Triệu Văn F khi tham gia đánh bạc có 4.031.000đ để đánh bạc, đã đánh thua 1.000.000đ, còn lại 3.031.000đ bị Công an thu giữ khi bắt quả tang, F xác định nếu thua sẽ dùng số tiền này để đánh bạc.

Các bị cáo cùng nhau đánh bạc đến khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, thì bị cơ quan Công an bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên. Sau khi bỏ chạy được, đến khoảng 21 giờ ngày cùng ngày, H đến gặp T tại nhà và đưa cho T số tiền hồ lý 1.000.000đ.

Quá trình điều tra, bị cáo Triệu Thị T đã giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 1.200.000đ là số tiền T được nhận từ Triệu Văn H.

Sau khi có hành vi phạm tội các bị cáo Triệu Văn H, Dương Quý A, Triệu Thị T, Triệu Thị E, Triệu Văn D, Phan Thị K, Triệu Thị G và Triệu Phúc B đã ra cơ quan Công an huyện Đ đầu thú

Vật chứng vụ án gồm: Số tiền 13.557.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 bát sứ, 01 đĩa sứ; 01 chiếu cói; 01 mảnh bạt có hai mặt, một mặt xanh, một mặt cam; 04 quân bài tứ lơ khơ; 05 ghế nhựa màu đỏ, 01 ghế gỗ, 04 đôi dép (01 đôi giả da màu đen, 01 đôi dép nhựa màu trắng, trên mặt có chữ PAILI, 01 đôi dép nhựa màu F, 01 đôi tông màu xanh quai trắng có chữ Adidas. H số vật chứng trên đang được lưu giữ bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ chờ xử D.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKSĐH, ngày 03/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố:

Bị cáo Triệu Văn H về tội “*Đánh bạc*” và “*Gá bạc*” theo khoản 1 Điều 321, điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Triệu Thị T về tội “*Gá bạc*” theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự;

Các bị cáo Triệu Thị E, Dương Quý A, Triệu Văn F, Triệu Thị G, Triệu Thị Y, Đặng Thị Z (Y), Trần Thị P, Triệu Văn D, Triệu Phúc B, D Tài C và Phan Thị K về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử Tuyên bố: Bị cáo Triệu Văn H phạm các tội: “*Gá bạc*” và “*Đánh bạc*”; Bị cáo Triệu Thị T phạm tội: “*Gá bạc*”;

Các bị cáo Triệu Phúc B, Triệu Văn D, D Tài C, Triệu Thị E, Triệu Văn F, Dương Quý A, Triệu Thị Y, Trần Thị P, Đặng Thị Z (Y), Triệu Thị G, Phan Thị K phạm tội “*Đánh bạc*”.

a, Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 322, Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt **Triệu Văn H** từ 12 đến 15 tháng tù về tội Gá bạc.

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt **Triệu Văn H** từ 06 đến 09 tháng tù về tội Đánh bạc; Tổng hợp hình phạt chung theo Điều 55 BLHS.

- Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 322, Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử phạt **Triệu Thị T** từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội Gá bạc. Thời gian thử thách theo quy định.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt **Triệu Phúc B** từ 06 đến 09 tháng tù về tội Đánh bạc.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt **D Tài C** từ 06 đến 09 tháng tù về tội Đánh bạc.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 BLHS xử phạt:
+ **Triệu Thị E** từ 06 đến 09 tháng tù về tội Đánh bạc.

+ **Triệu Văn D** từ 06 đến 09 tháng tù về tội Đánh bạc.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s, i Khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử phạt các bị cáo:

+ **Dương Quý A** từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách theo quy định.

+ **Phan Thị K** từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách theo quy định.

+ **Triệu Thị G** từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách theo quy định.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s, i Khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử phạt:

+ **Triệu Văn F** từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách theo quy định.

+ **Triệu Thị Y** từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách theo quy định.

+ **Trần Thị P** từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách theo quy định.

+ **Đặng Thị Z (Y)** từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định, bị cáo Triệu Văn F, Triệu Phúc B và Triệu Văn H thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

b) Xử D vật chứng: áp dụng Điều 46, 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

- Tịch thu sung quỹ số tiền: 13.557.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếu cói; 01 mảnh bạt có hai mặt, một mặt xanh, một mặt cam; 04 quân bài tú lơ khơ; 05 ghế nhựa màu đỏ, 01 ghế gỗ, 04 đôi dép (01 đôi giả da màu đen, 01 đôi dép nhựa màu trắng, trên mặt có chữ PAILI, 01 đôi dép nhựa màu F, 01 đôi tông màu xanh quai trắng có chữ Adidas).

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000đ của Triệu Văn H (do phạm tội mà có)

c, Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản D và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo nhất trí với phần luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì. Trong phần lời nói sau cùng, các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

Luật sư Nguyễn Công K - Người bào chữa cho bị cáo **Triệu Thị T** trình bày các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo với các tình tiết: Bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải và bị cáo đầu thú với cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình; Bổ để bị cáo là người có công với nước được Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng Bằng khen. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51;

Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Triệu Thị T từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định về tội Gá bạc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực H hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực H đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực H đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 23/7/2020, tại nhà của Triệu Thị T ở xóm ĐB, xã HT, huyện Đ, Triệu Văn H đã hỏi T để sử dụng khu đất thuộc quyền quản D của gia đình T làm địa điểm đánh bạc. T đồng ý và bảo H thu tiền hồ lý của những người tham gia đánh bạc nộp cho T. Sau khi được sự đồng ý cho đánh bạc, H, Dương Quý A, Triệu Thị E, Triệu Văn D, Phan Thị K, Triệu Thị G, Triệu Sinh Mạnh, Triệu Phúc B, D Tài C, Triệu Thị Y, Trần Thị P, Triệu Văn F và Đặng Thị Z cùng nhau đánh bằng bằng hình T xóc đĩa được thua bằng tiền với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 12.357.000đ (gồm 9.326.000đ thu giữ tại chiếu bạc và 3.031.000đ thu của F). Trong quá trình đánh bạc bị cáo H có thu tiền hồ lý của các bị cáo khác được số tiền 1.700.000 đ rồi đưa cho T, T lấy 1.200.000đ và chia cho H 500.000đ. Khi Công an vào bắt quả tang thì Triệu Văn H, Dương Quý A, Triệu Thị E, Triệu Văn D, Phan Thị K, Triệu Thị G, Triệu Sinh Mạnh và Triệu Phúc B đã bỏ chạy, còn lại các bị cáo D Tài C, Triệu Thị Y, Trần Thị P, Triệu Văn F và Đặng Thị Z bị bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng có C quan. Triệu Sinh Mạnh đang bỏ trốn, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định truy nã và tách hồ sơ vụ án đối với Mạnh.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, là nguyên nhân làm phát các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, đồng thời gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy việc truy tố để xét xử đối với các bị cáo:

Bị cáo Triệu Văn H về tội “Đánh bạc” và “Gá bạc” theo khoản 1 Điều 321, điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Triệu Thị T về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự;

Các bị cáo Triệu Thị E, Dương Quý A, Triệu Văn F, Triệu Thị G, Triệu Thị Y, Đặng Thị Z (Y), Trần Thị P, Triệu Văn D, Triệu Phúc B, D Tài C và Phan Thị K về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay H vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Nội dung Điều 322 BLHS quy định:

“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a,.....

b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, H vật dùng đánh

bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, H vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy:

Đây là vụ án mà các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất, phân công thực hiện hành vi phạm tội từ trước. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo Triệu Văn H tham gia vụ án với vai trò tích cực, là người chuẩn bị công cụ cho các bị cáo đánh bạc và thu tiền hồ lý của các bị cáo khác đến đánh bạc trả cho bị cáo T;

Đối với tội gá bạc, mặc dù không có sự bàn bạc thống nhất từ trước, tuy nhiên bị cáo Triệu Thị T đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại đồi cây nhà mình, bảo bị cáo H thu tiền hồ lý của các đối tượng đánh bạc và được hưởng lợi nên bị cáo T tham gia với vai trò chính, tích cực. Bị cáo H thu tiền hồ lý của những

người tham gia đánh bạc để đưa cho bị cáo T và được hưởng lợi do vậy, bị cáo H tham gia với vai trò là đồng phạm giúp sức cho bị cáo T.

Bị cáo Triệu Văn D là người làm quân vị, trực tiếp tham gia đánh bạc; bị cáo Dương Quý A là người xóc cái từ đầu cho đến khi bị bắt tham gia vụ án với vai trò tích cực; Các bị cáo còn lại tham gia vụ án với vai trò đồng phạm như nhau trong vụ án.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

- Bị cáo Triệu Văn H, Triệu Phúc B và D Tài C có nhân thân xấu, đã có tiền án về cùng loại tội chưa được xóa án tích lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nên các bị cáo này phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Triệu Thị T chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, quá trình điều tra bị cáo đã ra cơ quan Công an đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội của mình, có Bố đẻ là người có công với nước được Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng Bằng khen nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

- Bị cáo Triệu Văn D, Triệu Thị E được xác định là chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về cùng loại tội.

- Các bị cáo Dương Quý A, Triệu Thị G, Triệu Thị Y, Đặng Thị Z (Y), Trần Thị P, Phan Thị K, Triệu Văn F chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Triệu Văn H, Triệu Thị T, Triệu Thị E, Triệu Văn D, Dương Quý A, Triệu Thị G, Phan Thị K có hành vi phạm tội đã ra cơ quan Công an đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Các bị cáo Triệu Thị E, Triệu Văn D, Dương Quý A, Triệu Thị G, Triệu Thị Y, Đặng Thị Z (Y), Trần Thị P, Phan Thị K, Triệu Văn F và Triệu Thị T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt: Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Triệu Văn H, Triệu Phúc B và D Tài C có nhân thân xấu, đã có tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích, các bị cáo không lấy đó làm

bài học để tu dưỡng, cải tạo trở thành người công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo này ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo để bị cáo yên E cải tạo tốt, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo **Triệu Văn H** phạm hai tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt.

Đối với bị cáo **Triệu Thị E và Triệu Văn D** có nhân thân xấu, đã bị xét xử về tội đánh bạc, tuy nhiên, các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, cải tạo trở thành người công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo này ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo để bị cáo yên E cải tạo tốt, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đối với các bị cáo **Triệu Thị T, Dương Quý A, Triệu Thị G, Triệu Thị Y, Đặng Thị Z (Y), Trần Thị P, Phan Thị K, Triệu Văn F** đều xuất thân từ những người lao động, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là đa số các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế khó khăn, nhận T pháp luật còn hạn chế; Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng lượng khoan F của pháp luật, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm thu lời bất chính tuy nhiên các bị cáo đều là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định; các bị cáo E, A, P, Z (Y), F, B và H là hộ cận nghèo và hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự (và khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H và bị cáo T) .

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, Zong xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

[6]. Vật chứng của vụ án:

+ Đối với số tiền 13.557.000 đồng (thu tại nơi đánh bạc 9.326.000đ, thu giữ của Triệu Văn F 3.031.000đ và số tiền 1.200.000đ là tiền bị cáo T nộp lại) đây là số tiền dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với số tiền 500.000 đồng bị cáo T cho bị cáo H là tiền bị cáo H thu tiền hồ lý của các bị cáo khác mà có, đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên phải truy thu số tiền 500.000đ của Triệu Văn H (do phạm tội mà có) sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với 01(một) mảnh bát có hai mặt, một mặt xanh, một mặt màu cam; 01(một) bát sứ đã qua sử dụng; 01(một) đĩa sứ đã qua sử dụng; 04(bốn) quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01(một) chiếu cói đã qua sử dụng; 01(một) ghế gỗ, 05(năm) ghế nhựa đã qua sử dụng; 04(bốn) đôi dép các loại đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội và C quan đến tội phạm, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Các vấn đề khác: Trong vụ án này còn có Triệu Sinh Mạnh, tuy nhiên H nay Mạnh đã bỏ trốn, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra lệnh truy nã, ra quyết định tạm đình chỉ vụ án, bị cáo đối với Mạnh là phù hợp. C quan đến vụ án còn có đôi Zọng Bàn Như Nguyên, đôi Zọng Nguyễn Văn Chính (sinh năm 1976, trú tại xóm Suối Khách, xã HT, huyện Đ), căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thấy chưa đủ căn cứ khởi tố đối với Nguyên và Chính. Do vậy, cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra, làm rõ xử D sau.

Đối với Triệu Văn Hình và Triệu Văn Hùng là người tham gia đánh bạc ở canh bạc thứ nhất tại đồi cây nhà bà T ngày 23/7/2020, tuy nhiên do không xác định được tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc nên hành vi của Hình và Hùng không cấu thành tội phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự,

Về tội danh: Tuyên bố: **Bị cáo Triệu Văn H** phạm tội “Đánh bạc” và “Gà bạc”.

Bị cáo **Triệu Thị T** phạm tội “Gà bạc”.

Các bị cáo Triệu Phúc B, Triệu Văn D, D Tài C, Triệu Thị E, Triệu Văn F, Dương Quý A, Triệu Thị Y, Trần Thị P, Đặng Thị Z (Y), Triệu Thị G, Phan Thị K phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về hình phạt:

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Triệu Văn H 08(Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: điểm b Khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Triệu Văn H 12(Mười hai) tháng tù về tội “Gà bạc”.**

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **20(Hai mươi)** tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày **28/7/2020 đến ngày 06/8/2020**.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Áp dụng: Điểm b Khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Triệu Thị T 15(Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Gá bạc”. Thời gian thử thách 30(Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Triệu Phúc B 09(Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt D Tài C 08(Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày **23/7/2020 đến ngày 29/7/2020**.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ **Triệu Văn D 06(Sáu)** tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ **Triệu Thị E 06(Sáu)** tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ **Phan Thị K 06(Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 12(Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ **Triệu Thị G 06(Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 12(Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ **Dương Quý A 06(Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 12(Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ **Triệu Văn F 06(Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 12(Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ **Triệu Thị Y 06(Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 12(Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ **Đặng Thị Z (Đặng Thị Y) 06(Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 12(Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ **Trần Thị P 06(Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 12(Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Triệu Thị T, Dương Quý A, Triệu Thị G, Triệu Thị Y, Đặng Thị Z(Đặng Thị Y), Trần Thị P, Phan Thị K, Triệu Văn F cho Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực H theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Điều 92 Luật thi hành án hình sự quy định:

“ Điều 92. Giải quyết việc vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người được hưởng án treo

1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có D do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực H khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ D do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có C quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực H theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.”

2. Xử D vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01(một) mảnh bạt có hai mặt, một mặt xanh, một mặt màu cam; 01(một) bát sứ đã qua sử dụng; 01(một) đĩa sứ đã qua sử dụng; 04(bốn) quần bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01(một) chiếu cói đã qua sử dụng; 01(một) ghế gỗ, 05(năm) ghế nhựa đã qua sử dụng; 04(bốn) đôi dép các loại đã qua sử dụng

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 13.557.000 đ (mười ba triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn) đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã được chuyển khoản.

+ Truy thu số tiền 500.000đ của Triệu Văn H (do phạm tội mà có) sung quỹ Nhà nước.

(Số vật chứng nêu trên đang được bảo quản tại kho của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/6/2021 giữa cơ quan Công an huyện Đ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ và Giấy Ủy nhiệm chi lập ngày 31/5/2021 giữa Công an huyện Đ với Kho bạc nhà nước huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên).

3. Án phí: Buộc các bị cáo Triệu Văn H, Triệu Thị T, Triệu Phúc B, Triệu Văn F, Triệu Thị G, Triệu Thị Y, Triệu Văn D, D Tài C, Triệu Thị E, Đặng Thị Z (Đặng Thị Y), Dương Quý A, Trần Thị P và Phan Thị K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Z pháp tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã HT, huyện Đ;
- UBND xã LM, huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Mai Thị Hồng Thái

